



xíng huì

行贿

verb · bribe; offer a bribe

Example Sentences

xíng huì shì wéi fǎ de

行贿是违法的。

Bribery is illegal.

tā yīn xíng huì bèi dài bǔ

他因行贿被逮捕。

He was arrested for bribery.

gōng sī yán jìn yuán gōng xíng huì guān yuán

公司严禁员工行贿官员。

The company strictly prohibits employees from bribing officials.

Trace each character, then write the word on your own.

行	行	行	行	行	行	行	行	行		
贿	贿	贿	贿	贿	贿	贿	贿	贿	贿	贿
贿	贿									